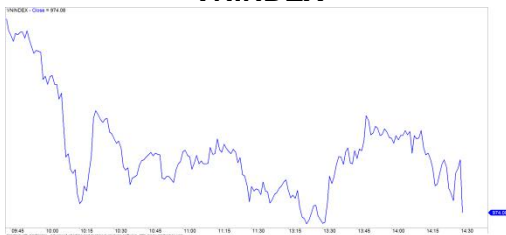


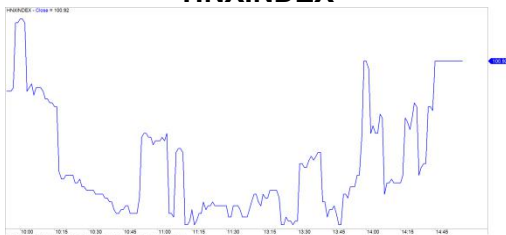
Diễn biến thị trường trong phiên			
Rating	VNI	HNI	UPCOM
Điểm	974.08	100.92	56.76
% ngày	-0.28%	-0.04%	-0.07%
% tuần	-1.01%	-1.37%	-1.85%
% tháng	0.98%	-0.95%	-2.66%
% năm	1.66%	-8.65%	11.49%
GTGD (Tỷ VND)			
Trong ngày	3,738	219	295
TB 1 tuần	3,712	344	356
TB 1 tháng	4,148	365	472
Khối ngoại (Tỷ VND)			
Mua	545.02	3.02	70.05
Bán	240.59	3.68	44.34
Giá trị ròng	304.43	-0.66	25.71
Độ rộng TT			
Mã Tăng	110	65	174
Mã Giảm	160	70	118
Không Đổi	116	233	606
Chỉ số chính			
P/E	16.47	8.95	18.84
Vốn hóa TT (ngàn tỷ)	3,306	185	992
LS Cổ tức	1.25%	4.85%	4.98%

Nguồn: Bloomberg – YSVN

VNINDEX



HNIINDEX



DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

Trái ngược với đà tăng mạnh của thị trường chứng khoán khu vực và chứng khoán Mỹ, thị trường Việt Nam giao dịch khá ảm đạm khi chỉ số VN-Index có phiên giảm điểm thứ 2 liên tiếp với mức giảm 0.28% dừng tại 974.08 điểm. Chỉ số HNX-Index giảm nhẹ 0.05% chốt tại 100.92 trong khi chỉ số Upcom-Index mất 0.07% dừng tại 56.76 điểm. Điểm tích cực là mặc dù giảm điểm nhưng thanh khoản không cao với tổng giá trị khớp lệnh đạt 2,536 tỷ đồng khớp lệnh trên cả ba sàn.

Tâm lý lưỡng lự khiến giao dịch thị trường ở trạng thái cầm chừng. Trong đó, các bluechip gồm VHM, VIC, VCB, BID, CTG, HPG suy yếu nhưng mức giảm không đáng kể. Ở chiều tích cực, CTD tăng 4.9% đóng cửa tại mức 97,000 đồng/cp với thanh khoản hơn 66,800 cp. VNM cũng đang cho dấu hiệu hồi phục sau 2 phiên điều chỉnh với thanh khoản thấp gần đây. Bộ đôi LDG, DXG cũng duy trì nhịp tăng khá tốt đóng cửa lần lượt tại 9,890 đồng/cp và 15,250 đồng/cp. Mã CII, cổ phiếu sẽ bị loại khỏi danh mục của Deutsche Bank FTSE Vietnam Index Q3 cũng đang cho dấu hiệu được hỗ trợ tại ngưỡng 20,000 đồng/cp. Nhóm Mid-Cap nhìn chung giao dịch tích cực hơn thị trường khi VNMIID-Index tăng nhẹ 0.03% với các cái tên như ANV, DCM, CII, PC1, VCI, YEG...tăng giá tích cực.

Khối ngoại mua ròng 329 tỷ đồng trên cả ba sàn chủ yếu đến từ giao dịch thỏa thuận của ACV khi họ mua ròng 274 tỷ đồng. NVL(25 tỷ), VRE(21.1 tỷ) là những mã được mua ròng tích cực tiếp theo. Ở chiều ngược lại, ITC dẫn đầu danh sách bán ròng với hơn 23 tỷ đồng.

QUAN ĐIỂM THỊ TRƯỜNG NGẮN HẠN

Chúng tôi cho rằng thị trường có thể sẽ tiếp tục tình trạng đi ngang trong biên độ hẹp với thanh khoản thấp trong tuần giao dịch tới. Đồng thời, thanh khoản duy trì ở mức thấp có thể sẽ khiến thị trường gặp thêm rủi ro, đặc biệt áp lực cung giá thấp có thể sẽ tiếp tục gia tăng, mặc dù nhiều cổ phiếu cũng đã rơi vào trạng thái quá bán. Ngoài ra, tâm lý nhà đầu tư vẫn còn bi quan với xu hướng hiện tại và tỷ trọng cổ phiếu ngắn hạn tiếp tục giảm cho thấy chiến lược ngắn hạn vẫn là hạ tỷ trọng cổ phiếu.

Hệ thống chỉ báo xu hướng của chúng tôi hạ mức xu hướng ngắn hạn của chỉ số VN-Index từ TĂNG xuống GIẢM và duy trì mức GIẢM xu hướng ngắn hạn của chỉ số HNX-Index với mức kháng cự ở mức 103.37 điểm. Do đó, chúng tôi khuyến nghị các nhà đầu tư ngắn hạn có thể tiếp tục hạ tỷ trọng cổ phiếu về mức khuyến nghị.

Tỷ trọng khuyến nghị ngắn hạn: 37% cổ phiếu/63% tiền.

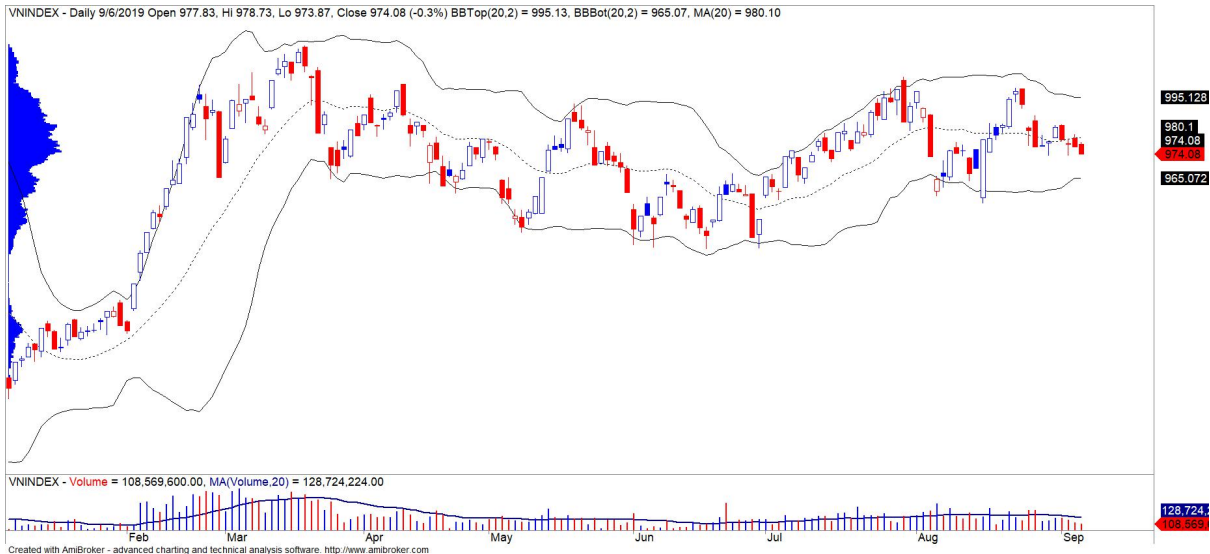
Tỷ trọng khuyến nghị trung hạn: 43% cổ phiếu/57% tiền.

(Bảng đánh giá xu hướng của các cổ phiếu theo dõi được cập nhật ở trang sau).



We Create Fortune

BIỂU ĐỒ PHÂN TÍCH KỸ THUẬT



Diễn biến thị trường của chỉ số VN-Index



Diễn biến thị trường của chỉ số HNX-Index

Chỉ số	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Mức kháng cự 1	Mức kháng cự 2	Mức hỗ trợ 1	Mức hỗ trợ 2
Chỉ số VN-Index	GIẢM	TĂNG	1,000	1,025	965	953
Chỉ số HNX-Index	GIẢM	GIẢM	108	110	105	101
Chỉ số VN30	TĂNG	TĂNG	895	935	877	863
Chỉ số VNMidcaps	TĂNG	TĂNG	992	1,030	969	963
Chỉ số VNSmallcaps	GIẢM	TĂNG	835	845	822	804



We Create Fortune

BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG CÁC CỔ PHIẾU

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
AAA	15.95	GIẢM	GIẢM		16.64				18.10		
ACB	21.90	TĂNG	GIẢM	22.70	21.52	-3.52%			23.85		
ACV	79.70	GIẢM	GIẢM		82.76			90.00	81.77	-9.15%	BÁN
ANV	24.80	GIẢM	GIẢM		25.36				27.72		
ASM	6.11	GIẢM	GIẢM		6.37				6.91		
BFC	15.10	GIẢM	GIẢM		15.91				17.49		
BID	38.00	TĂNG	TĂNG	32.65	37.25	16.39%		33.40	33.99	13.77%	
BMP	49.70	GIẢM	TĂNG		50.85			48.30	45.44	2.90%	
BSR	9.10	GIẢM	GIẢM		9.78				11.05		
BVH	75.50	GIẢM	GIẢM		78.55				84.78		
BWE	26.10	GIẢM	TĂNG		27.20			20.00	25.45	30.50%	
CEO	10.00	GIẢM	GIẢM		10.44				11.21		
CII	20.55	TĂNG	GIẢM	21.05	20.05	-2.38%			22.68		
CMG	38.40	GIẢM	TĂNG		41.43			23.20	34.96	65.52%	
CMX	32.55	TĂNG	TĂNG	30.30	31.00	7.43%		5.91	26.79	450.76%	
CSM	14.90	TĂNG	TĂNG	15.40	14.64	-3.25%		14.39	14.22	3.54%	
CTD	97.00	TĂNG	GIẢM	97.00	96.20	0.00%	MUA		110.33		
CTG	19.90	GIẢM	GIẢM		20.61				22.22		
CTI	23.40	GIẢM	GIẢM		24.15				24.64		
CTR	42.70	GIẢM	N/A		47.78			-	N/A		
CVT	20.40	GIẢM	TĂNG		20.94			20.35	18.94	0.25%	
DCM	8.54	TĂNG	TĂNG	8.47	8.24	0.83%		8.54	8.53	0.00%	MUA
DGC	27.70	GIẢM	GIẢM		28.82			31.90	27.79	-12.89%	BÁN
DGW	24.00	GIẢM	TĂNG		24.26			23.50	21.45	2.13%	
DHA	33.25	GIẢM	TĂNG		34.96			29.10	32.95	14.26%	
DHC	31.00	GIẢM	GIẢM		32.69				35.46		
DHG	93.10	GIẢM	GIẢM		95.71				102.97		
DIG	13.95	TĂNG	TĂNG	13.45	13.83	3.72%		13.90	12.65	0.36%	
DPG	44.50	GIẢM	GIẢM		47.54			40.02	44.62	11.51%	BÁN
DPM	13.35	GIẢM	GIẢM		13.93				15.13		
DPR	38.80	GIẢM	GIẢM		41.82				46.43		
DQC	18.15	GIẢM	GIẢM	19.25	18.34	-4.71%	BÁN		20.27		
DRC	21.75	TĂNG	TĂNG	20.45	21.35	6.36%		21.60	19.76	0.69%	
DXG	15.25	TĂNG	TĂNG	16.15	14.32	-5.57%		15.50	12.29	-1.61%	



We Create Fortune

EIB	16.90	GIẢM	TĂNG		17.69			14.70	16.88	14.97%	
FCN	12.05	GIẢM	GIẢM		12.63				13.62		
FMC	27.10	GIẢM	TĂNG		29.59			31.60	26.18	-14.24%	
FPT	52.90	TĂNG	TĂNG	45.20	51.41	17.04%		46.00	48.73	15.00%	
GAS	100.80	TĂNG	GIẢM	105.20	98.12	-4.18%			109.55		
GEX	20.85	TĂNG	TĂNG	22.20	20.09	-6.08%		20.20	18.55	3.22%	
GIL	21.30	GIẢM	GIẢM		22.75				24.97		
GMD	28.20	TĂNG	TĂNG	26.55	27.45	6.21%		28.50	25.99	-1.05%	
GTN	18.95	TĂNG	TĂNG	18.80	18.66	0.80%		15.00	16.84	26.33%	
GVR	14.00	GIẢM	N/A		15.43				N/A		
HAG	4.77	GIẢM	GIẢM		4.99				5.46		
HAX	19.65	GIẢM	TĂNG		20.58			15.75	17.40	24.76%	
HBC	13.30	TĂNG	GIẢM	14.25	13.27	-6.67%			15.60		
HCM	21.20	GIẢM	GIẢM		21.55				23.15		
HDB	25.50	GIẢM	GIẢM	26.30	25.54	-2.89%	BÁN		27.77		
HDC	20.90	GIẢM	TĂNG		22.01			15.25	18.89	37.05%	
HDG	35.20	GIẢM	TĂNG		36.08			35.30	32.61	-0.28%	
HNG	17.15	GIẢM	TĂNG		17.89			17.10	16.59	0.29%	
HPG	21.40	GIẢM	GIẢM		22.66				23.96		
HSG	6.61	GIẢM	GIẢM		7.00				7.74		
HT1	15.50	GIẢM	GIẢM		15.88				16.70		
HUT	2.30	TĂNG	GIẢM	2.40	2.17	-4.17%			2.83		
HVN	34.30	GIẢM	GIẢM		37.10				41.32		
KBC	15.50	TĂNG	TĂNG	16.00	15.39	-3.13%		15.35	14.37	0.98%	
KDH	23.80	TĂNG	TĂNG	22.90	23.50	3.93%		24.00	22.19	-0.83%	
KSB	21.90	GIẢM	TĂNG		23.72			23.90	21.11	-8.37%	
LCG	9.40	TĂNG	GIẢM	9.60	9.10	-2.08%			10.55		
LDG	9.89	TĂNG	TĂNG	8.18	8.97	20.90%		9.89	9.15	0.00%	MUA
LHG	17.60	GIẢM	TĂNG		18.57			19.30	17.32	-8.81%	
LPB	7.50	GIẢM	GIẢM		7.93				8.33		
LSS	5.19	TĂNG	GIẢM	5.39	5.01	-3.71%			5.80		
MBB	22.60	TĂNG	TĂNG	22.20	22.51	1.80%		21.85	21.21	3.43%	
MPC	28.80	GIẢM	GIẢM		30.41				36.71		
MSN	74.00	GIẢM	GIẢM		77.27				83.22		
MSR	16.20	GIẢM	GIẢM		16.87				19.01		
MWG	117.00	GIẢM	TĂNG		119.29			88.70	108.74	31.91%	
NDN	17.30	GIẢM	TĂNG		17.90			13.70	16.27	26.28%	
NKG	6.03	GIẢM	GIẢM		6.37				6.85		
NLG	28.10	GIẢM	TĂNG		29.07			28.70	26.73	-2.09%	

We Create Fortune

NT2	25.20	TĂNG	GIẢM	25.10	24.87	0.40%			26.43		
NTL	22.30	GIẢM	GIẢM		24.09			10.45	23.02	120.28%	BÁN
NVL	62.10	GIẢM	GIẢM		63.82				62.33		
OIL	11.10	GIẢM	GIẢM	11.70	11.23	-4.03%	BÁN		12.38		
PAC	28.20	TĂNG	GIẢM	28.80	26.26	-2.08%			32.50		
PC1	19.30	TĂNG	TĂNG	17.45	17.27	10.60%			18.38		
PDR	26.50	GIẢM	TĂNG		26.78			29.00	25.01	-8.62%	
PHR	59.10	GIẢM	GIẢM		66.01			24.00	64.76	169.84%	BÁN
PLX	60.60	GIẢM	TĂNG		62.16			62.40	59.59	-2.88%	
PNJ	81.00	GIẢM	TĂNG		85.74			104.00	78.69	-22.12%	
POW	12.80	GIẢM	GIẢM		13.37				14.63		
PVT	17.70	GIẢM	TĂNG		18.14			18.30	16.28	-3.28%	
PPC	25.00	GIẢM	GIẢM		26.54				29.10		
PTB	69.00	GIẢM	TĂNG		71.51			64.00	64.57	7.81%	
PVB	20.70	GIẢM	TĂNG		21.49			20.10	19.27	2.99%	
PVD	17.85	TĂNG	TĂNG	16.35	17.66	9.17%		18.10	15.86	-1.38%	
PVI	33.80	GIẢM	GIẢM		35.98				39.70		
PVS	20.50	TĂNG	GIẢM	21.60	20.11	-5.09%			23.52		
PXS	5.02	GIẢM	GIẢM		5.63				6.76		
QNS	30.50	TĂNG	TĂNG	31.20	29.92	-2.24%		33.80	27.77	-9.76%	
REE	35.55	GIẢM	TĂNG		37.67			33.33	33.81	6.68%	
SAB	266.00	GIẢM	TĂNG		275.60			245.00	257.56	8.57%	
SAM	7.83	GIẢM	TĂNG		7.95			7.40	7.69	5.81%	
SCR	6.65	TĂNG	GIẢM	6.92	6.61	-3.90%			7.11		
SHI	9.33	TĂNG	TĂNG	8.39	8.90	11.20%		6.99	8.04	33.48%	
SJS	17.25	TĂNG	GIẢM	18.35	17.24	-5.99%		-	19.89		
SKG	11.25	GIẢM	GIẢM		11.65				12.51		
SSI	21.10	GIẢM	GIẢM		22.21				23.89		
STB	10.15	TĂNG	GIẢM	10.70	10.11	-5.14%			11.20		
TCB	22.20	TĂNG	GIẢM	20.85	21.28	6.47%			22.22		
TCM	21.35	GIẢM	GIẢM		23.56				27.50		
TDH	9.89	TĂNG	TĂNG	9.40	9.67	5.21%		10.15	8.93	-2.56%	
TLH	4.63	TĂNG	GIẢM	4.75	4.49	-2.53%			5.13		
TNG	17.70	GIẢM	GIẢM		19.11				21.22		
VCB	77.30	TĂNG	TĂNG	80.00	76.30	-3.38%		62.00	73.39	24.68%	
VCG	26.40	TĂNG	TĂNG	27.00	25.76	-2.22%		19.20	24.08	37.50%	
VCS	83.90	GIẢM	TĂNG		87.71			68.00	78.29	23.38%	
VGC	19.30	TĂNG	GIẢM	19.25	18.30	0.26%			20.53		
VGT	8.70	GIẢM	GIẢM		9.12				9.96		

We Create Fortune

VHC	79.80	GIẢM	GIẢM		80.54				88.18		
VHM	88.80	TĂNG	TĂNG	87.30	85.77	1.72%		90.20	76.90	-1.55%	
VIB	17.70	TĂNG	TĂNG	17.00	17.30	4.12%		17.70	16.40	0.00%	
VIC	121.10	TĂNG	TĂNG	126.10	120.57	-3.97%		112.00	113.76	8.13%	
VIP	5.00	GIẢM	GIẢM		5.17				5.48		
VJC	130.40	TĂNG	TĂNG	134.50	129.90	-3.05%		124.50	124.16	4.74%	
VND	13.75	GIẢM	GIẢM		14.29				15.52		
VNG	20.90	TĂNG	TĂNG	19.10	20.17	9.42%		20.20	18.34	3.47%	
VNM	122.80	TĂNG	GIẢM	124.00	119.93	-0.97%			130.37		
VPB	20.35	TĂNG	TĂNG	19.10	19.63	6.54%		20.30	18.32	0.25%	
VPI	41.45	TĂNG	TĂNG	42.20	40.42	-1.78%		41.30	39.27	0.36%	
VRC	15.55	TĂNG	GIẢM	15.30	15.42	1.63%			16.26		
VRE	34.10	GIẢM	TĂNG		35.32			35.00	33.61	-2.57%	
VSC	29.35	TĂNG	GIẢM	28.60	28.01	2.62%			31.41		

BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG NHÓM CỔ PHIẾU LARGE CAPS

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
ACB	21.90	TĂNG	GIẢM	22.70	21.52	-3.52%			23.85		
BID	38.00	TĂNG	TĂNG	32.65	37.25	16.39%		33.40	33.99	13.77%	
BSR	9.10	GIẢM	GIẢM		9.78				11.05		
BVH	75.50	GIẢM	GIẢM		78.55				84.78		
CTG	19.90	GIẢM	GIẢM		20.61				22.22		
EIB	16.90	GIẢM	TĂNG		17.69			14.70	16.88	14.97%	
FPT	52.90	TĂNG	TĂNG	45.20	51.41	17.04%		41.00	48.73	29.03%	
GAS	100.80	TĂNG	GIẢM	105.20	98.12	-4.18%			109.55		
HDB	25.50	GIẢM	GIẢM	26.30	25.54	-2.89%	BÁN		27.77		
HNG	17.15	GIẢM	TĂNG		17.89			17.10	16.59	0.29%	
HPG	21.40	GIẢM	GIẢM		22.66				23.96		
HVN	34.30	GIẢM	GIẢM		37.10				41.32		
KDH	23.80	TĂNG	TĂNG	22.90	23.50	3.93%		24.00	22.19	-0.83%	
MBB	22.60	TĂNG	TĂNG	22.20	22.51	1.80%		21.27	21.21	6.25%	
MSN	74.00	GIẢM	GIẢM		77.27				83.22		
MWG	117.00	GIẢM	TĂNG		119.29			88.70	108.74	31.91%	
NVL	62.10	GIẢM	GIẢM		63.82				62.33		
OIL	11.10	GIẢM	GIẢM	11.70	11.23	-4.03%	BÁN		12.38		
PLX	60.60	GIẢM	TĂNG		62.16			59.97	59.59	1.05%	

We Create Fortune

PNJ	81.00	GIẢM	TĂNG		85.74			77.88	78.69	4.00%	
POW	12.80	GIẢM	GIẢM		13.37				14.63		
PVS	20.50	TĂNG	GIẢM	21.60	20.11	-5.09%			23.52		
QNS	30.50	TĂNG	TĂNG	31.20	29.92	-2.24%		33.80	27.77	-9.76%	
REE	35.55	GIẢM	TĂNG		37.67			33.33	33.81	6.68%	
ROS	27.10	TĂNG	GIẢM	27.50	25.24	-1.45%			29.25		
SSI	21.10	GIẢM	GIẢM		22.21				23.89		
STB	10.15	TĂNG	GIẢM	10.70	10.11	-5.14%			11.20		
TCB	22.20	TĂNG	GIẢM	20.85	21.28	6.47%			22.22		
TPB	22.40	GIẢM	GIẢM		23.42				N/A		
VCB	77.30	TĂNG	TĂNG	80.00	76.30	-3.38%		62.00	73.39	24.68%	
VCG	26.40	TĂNG	TĂNG	27.00	25.76	-2.22%		18.44	24.08	43.16%	
VEA	52.10	GIẢM	GIẢM		56.27				N/A		
VGI	32.30	GIẢM	GIẢM		36.13				N/A		
VHM	88.80	TĂNG	TĂNG	87.30	85.77	1.72%		90.20	76.90	-1.55%	
VIB	17.70	TĂNG	TĂNG	17.00	17.30	4.12%		17.70	16.40	0.00%	
VIC	121.10	TĂNG	TĂNG	126.10	120.57	-3.97%		112.00	113.76	8.13%	
VJC	130.40	TĂNG	TĂNG	134.50	129.90	-3.05%		124.50	124.16	4.74%	
VNM	122.80	TĂNG	GIẢM	124.00	119.93	-0.97%			130.37		
VPB	20.35	TĂNG	TĂNG	19.10	19.63	6.54%		20.30	18.32	0.25%	
VRE	34.10	GIẢM	TĂNG		35.32			34.00	33.61	0.31%	

BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG NHÓM CỔ PHIẾU MIDCAPS

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
AAA	15.95	GIẢM	GIẢM		16.64				18.10		
ANV	24.80	GIẢM	GIẢM		25.36				27.72		
ASM	6.11	GIẢM	GIẢM		6.37				6.91		
BMP	49.70	GIẢM	TĂNG		50.85			48.30	45.44	2.90%	
BWE	26.10	GIẢM	TĂNG		27.20			19.44	25.45	34.26%	
C4G	7.60	GIẢM	GIẢM		8.07				9.43		
CEO	10.00	GIẢM	GIẢM		10.44				11.21		
CII	20.55	TĂNG	GIẢM	21.05	20.05	-2.38%			22.68		
CRE	25.00	TĂNG	GIẢM	25.40	24.63	-1.57%			26.06		
CTI	23.40	GIẢM	GIẢM		24.15				24.64		
CTR	42.70	GIẢM	#N/A		47.78			-	#N/A		
DCM	8.54	TĂNG	TĂNG	8.47	8.24	0.83%		8.54	8.53	0.00%	MUA



We Create Fortune

DHC	31.00	GIẢM	GIẢM		32.69			35.46		
DIG	13.95	TĂNG	TĂNG	13.45	13.83	3.72%		13.90	12.65	0.36%
DPM	13.35	GIẢM	GIẢM		13.93			15.13		
DRC	21.75	TĂNG	TĂNG	20.45	21.35	6.36%		21.60	19.76	0.69%
DXG	15.25	TĂNG	TĂNG	16.15	14.32	-5.57%		15.50	12.29	-1.61%
E1VFN30	14.75	TĂNG	GIẢM	14.62	14.67	0.89%			15.16	
FCN	12.05	GIẢM	GIẢM		12.63			13.62		
FLC	3.67	GIẢM	GIẢM		3.79			4.27		
FTM	7.58	GIẢM	GIẢM		9.68			15.81		
GEG	27.10	TĂNG	TĂNG	22.80	26.63	18.86%		12.90	23.98	110.08%
GEX	20.85	TĂNG	TĂNG	22.20	20.09	-6.08%		20.20	18.55	3.22%
GMD	28.20	TĂNG	TĂNG	26.55	27.45	6.21%		28.50	25.99	-1.05%
GTN	18.95	TĂNG	TĂNG	18.80	18.66	0.80%		15.00	16.84	26.33%
GVR	14.00	GIẢM	#N/A		15.43			-	#N/A	
HAG	4.77	GIẢM	GIẢM		4.99			5.46		
HBC	13.30	TĂNG	GIẢM	14.25	13.27	-6.67%		15.60		
HCM	21.20	GIẢM	GIẢM		21.55			23.15		
HDG	35.20	GIẢM	TĂNG		36.08			35.30	32.61	-0.28%
HPX	26.50	TĂNG	#N/A	26.60	26.06	-0.38%		-	#N/A	
HSG	6.61	GIẢM	GIẢM		7.00			7.74		
HT1	15.50	GIẢM	GIẢM		15.88			16.70		
IBC	20.40	GIẢM	TĂNG		20.84			24.90	20.15	-18.07%
IDI	6.05	GIẢM	GIẢM		6.39			7.19		
IJC	14.55	GIẢM	TĂNG		15.59			13.10	13.12	11.07%
ITA	3.25	GIẢM	TĂNG		3.46			3.20	2.96	1.56%
KBC	15.50	TĂNG	TĂNG	16.00	15.39	-3.13%		15.35	14.37	0.98%
KSB	21.90	GIẢM	TĂNG		23.72			23.90	21.11	-8.37%
LDG	9.89	TĂNG	TĂNG	8.18	8.97	20.90%		9.89	9.15	0.00%
LPB	7.50	GIẢM	GIẢM		7.93			8.33		
MBS	15.20	GIẢM	TĂNG		15.98			16.00	14.25	-5.00%
MPC	28.80	GIẢM	GIẢM		30.41			36.71		
NBB	19.70	GIẢM	TĂNG		20.96			21.50	19.30	-8.37%
NKG	6.03	GIẢM	GIẢM		6.37			6.85		
NLG	28.10	GIẢM	TĂNG		29.07			28.70	26.73	-2.09%
NT2	25.20	TĂNG	GIẢM	25.10	24.87	0.40%			26.43	
NTC	168.50	GIẢM	TĂNG		180.05			120.00	162.94	40.42%
NTL	22.30	GIẢM	GIẢM		24.09			9.33	23.02	146.69%
NVB	7.20	GIẢM	GIẢM		7.53			8.41		



We Create Fortune

OGC	3.84	GIẢM	GIẢM		4.04			4.52			
PC1	19.30	TĂNG	TĂNG	17.45	17.27	10.60%		19.30	18.38	0.00%	MUA
PDR	26.50	GIẢM	TĂNG		26.78			23.60	25.01	12.31%	
PHR	59.10	GIẢM	GIẢM		66.01			22.86	64.76	183.25%	
PPC	25.00	GIẢM	GIẢM		26.54				29.10		
PTB	69.00	GIẢM	TĂNG		71.51			60.78	64.57	13.52%	
PVD	17.85	TĂNG	TĂNG	16.35	17.66	9.17%		18.10	15.86	-1.38%	
PVI	33.80	GIẢM	GIẢM		35.98				39.70		
PVT	17.70	GIẢM	TĂNG		18.14			18.30	16.28	-3.28%	
QCG	4.65	GIẢM	GIẢM		4.92				5.28		
SAM	7.83	GIẢM	TĂNG		7.95			7.40	7.69	5.81%	
SBT	16.85	TĂNG	GIẢM	16.50	16.12	2.12%			17.18		
SCR	6.65	TĂNG	GIẢM	6.92	6.61	-3.90%			7.11		
SHB	6.20	GIẢM	GIẢM		6.45				6.86		
SHS	7.30	GIẢM	GIẢM		7.88				9.02		
SJS	17.25	TĂNG	GIẢM	18.35	17.24	-5.99%			19.89		
STK	21.10	TĂNG	GIẢM	22.10	20.48	-4.52%			24.36		
SZC	19.80	GIẢM	#N/A		21.74			-	#N/A		
TCH	22.05	TĂNG	TĂNG	22.05	21.73	0.00%		22.50	20.14	-2.00%	
TCM	21.35	GIẢM	GIẢM		23.56				27.50		
TNG	17.70	GIẢM	GIẢM		19.11				21.22		
TTB	24.20	GIẢM	TĂNG		24.52			24.50	22.71	-1.22%	
VCI	32.30	GIẢM	TĂNG		34.32			36.00	30.78	-10.28%	
VGT	8.70	GIẢM	GIẢM		9.12				9.96		
VHC	79.80	GIẢM	GIẢM		80.54				88.18		
VND	13.75	GIẢM	GIẢM		14.29				15.52		
VNG	20.90	TĂNG	TĂNG	19.10	20.17	9.42%		20.20	18.34	3.47%	
VPI	41.45	TĂNG	TĂNG	42.20	40.42	-1.78%		41.30	39.27	0.36%	

BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG NHÓM CỔ PHIẾU SMALLCAPS

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
AAV	10.60	GIẢM	#N/A		11.33			16.85	#N/A	#N/A	
AGR	4.90	GIẢM	TĂNG		5.19			3.99	4.34	22.81%	
AMD	1.53	GIẢM	GIẢM		1.64				1.89		
APG	8.85	GIẢM	TĂNG		9.29			9.90	7.90	-10.61%	
ART	1.90	GIẢM	GIẢM		2.21				2.61		

We Create Fortune

BCC	7.50	TĂNG	GIẢM	8.10	7.46	-7.41%			8.95		
BCG	8.30	TĂNG	TĂNG	5.82	7.56	42.61%		6.39	6.55	29.89%	
C69	24.30	TĂNG	TĂNG	18.30	18.86	32.79%		5.30	14.07	358.49%	
CCL	8.85	TĂNG	TĂNG	6.38	8.50	38.71%		3.46	7.33	155.78%	
CRC	18.40	TĂNG	TĂNG	18.30	16.50	0.55%		18.90	15.04	-2.65%	
CVT	20.40	GIẢM	TĂNG		20.94			20.35	18.94	0.25%	
DAG	6.93	TĂNG	TĂNG	6.55	6.78	5.80%		7.09	6.22	-2.26%	
DAH	10.30	GIẢM	GIẢM		11.22				13.48		
DGW	24.00	GIẢM	TĂNG		24.26			23.50	21.45	2.13%	
DLG	1.54	GIẢM	GIẢM		1.65				1.65		
DRH	7.02	GIẢM	GIẢM		7.84				7.76		
DTD	16.40	GIẢM	TĂNG		17.78			12.90	14.20	27.13%	
EVG	2.63	TĂNG	GIẢM	2.80	2.58	-6.07%			3.02		
FIT	3.35	GIẢM	TĂNG		3.60			3.64	3.03	-7.97%	
GKM	15.20	TĂNG	GIẢM	15.00	14.73	1.33%			15.54		
HAH	15.45	TĂNG	TĂNG	12.80	14.65	20.70%		13.00	13.48	18.85%	
HAI	1.64	GIẢM	GIẢM		1.72				1.93		
HAP	3.40	GIẢM	TĂNG		3.45			3.67	3.25	-7.36%	
HAR	3.80	TĂNG	GIẢM	3.56	3.47	6.74%			3.88		
HCD	3.45	GIẢM	GIẢM		3.68				4.07		
HDA	10.50	GIẢM	GIẢM		11.32				13.28		
HDC	20.90	GIẢM	TĂNG		22.01			15.25	18.89	37.05%	
HHP	11.60	GIẢM	GIẢM		12.11				13.73		
HHS	2.89	GIẢM	GIẢM		3.04				3.31		
HII	11.10	GIẢM	GIẢM		11.82				12.29		
HQC	1.36	GIẢM	GIẢM		1.38				1.45		
HSL	9.08	TĂNG	GIẢM	8.10	8.61	12.10%			9.33		
HUT	2.30	TĂNG	GIẢM	2.40	2.17	-4.17%			2.83		
HVG	2.75	GIẢM	GIẢM		3.09				3.75		
HVH	20.25	GIẢM	#N/A		22.64				#N/A		
JVC	3.06	TĂNG	TĂNG	2.76	2.96	10.87%		3.10	2.68	-1.29%	
KLF	1.20	GIẢM	GIẢM		1.37				1.49		
KMR	2.55	GIẢM	GIẢM		2.75				3.12		
LCG	9.40	TĂNG	GIẢM	9.60	9.10	-2.08%			10.55		
LGL	10.25	GIẢM	TĂNG		10.78			7.11	9.25	44.10%	
LHG	17.60	GIẢM	TĂNG		18.57			19.30	17.32	-8.81%	
LMH	16.55	GIẢM	#N/A		17.31			-	#N/A		
MST	3.10	TĂNG	GIẢM	2.80	2.83	10.71%			3.16		
NDN	17.30	GIẢM	TĂNG		17.90			13.10	16.27	32.02%	



We Create Fortune

PHC	12.60	GIẢM	GIẢM		12.70				13.54		
PVB	20.70	GIẢM	TĂNG		21.49			20.10	19.27	2.99%	
PVC	7.00	GIẢM	TĂNG		7.39			7.10	6.67	-1.41%	
PXL	5.50	GIẢM	GIẢM	5.70	5.67	-0.61%	BÁN		6.65		
PXS	5.02	GIẢM	GIẢM		5.63				6.76		
QBS	3.06	GIẢM	GIẢM		3.20				3.36		
SFG	8.13	GIẢM	GIẢM		8.65				10.80		
SHI	9.33	TĂNG	TĂNG	8.39	8.90	11.20%		6.23	8.04	49.70%	
SJF	2.63	GIẢM	GIẢM		2.88				3.62		
SKG	11.25	GIẢM	GIẢM		11.65				12.51		
TDH	9.89	TĂNG	TĂNG	9.40	9.67	5.21%		10.15	8.93	-2.56%	
TIG	3.20	TĂNG	TĂNG	3.40	3.02	-5.88%		3.20	3.03	0.00%	
TLD	6.05	TĂNG	TĂNG	5.35	5.63	13.08%		5.99	4.78	1.00%	
TLH	4.63	TĂNG	GIẢM	4.70	4.49	-1.49%			5.13		
TNI	10.10	GIẢM	GIẢM		10.55				11.74		
TTF	2.96	GIẢM	GIẢM		3.12				3.57		
TTH	3.00	GIẢM	GIẢM		3.19				3.39		
TVB	16.35	GIẢM	GIẢM		17.32				19.51		
TVC	16.30	GIẢM	TĂNG		17.08			14.30	14.26	13.99%	
VC3	22.50	GIẢM	TĂNG		23.03			22.00	21.35	2.27%	
VCR	22.50	TĂNG	GIẢM	20.50	21.62	9.76%			25.98		
VNE	3.19	TĂNG	GIẢM	3.35	3.07	-4.78%			3.70		
VPG	21.60	TĂNG	TĂNG	21.40	21.19	0.93%		20.46	19.34	5.60%	
VRC	15.55	TĂNG	GIẢM	15.40	15.42	0.97%			16.26		
YBM	9.70	GIẢM	GIẢM		10.25				11.71		



We Create Fortune

Sàn GDCK TPHCM (HSX)

	Điểm	Chg%
VNI	974.08	-0.28%
VN30	885.95	-0.02%
VN Mid	957.97	0.03%
VN Small	809.09	-0.18%

Sàn GDCK Hà Nội (HSX)

	Điểm	Chg%
HNI	100.92	-0.04%
HN30	184.32	0.18%
VNX AllSh	860.53	-0.04%

Sàn GDCK UPCoM (UPCoM)

	Điểm	Chg%
UPCoM	56.76	-0.07%

GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	545.02	
Bán	240.59	
GT rỗng	304.43	

GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	3.02	
Bán	3.68	
GT rỗng	-0.66	

GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	70.05	
Bán	44.34	
GT rỗng	25.71	

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
ITC	1150	6.97%
YEG	3300	5.35%
CTD	4500	4.86%
SRC	1100	4.78%
DXG	550	3.74%

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
VCS	2900	3.58%
VIX	200	3.33%
L14	1500	2.59%
AMV	300	1.63%
NDN	200	1.17%

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
MPC	900	3.23%
CTR	1300	3.14%
VEA	1400	2.76%
MSR	200	1.25%
BCM	100	0.31%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
PHR	-3303	-5.29%
SZC	-700	-3.41%
D2D	-2500	-3.36%
TIP	-950	-3.17%
NTL	-700	-3.04%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
PVI	-500	-1.46%
SHS	-100	-1.35%
VCR	-300	-1.32%
VC3	-200	-0.88%
TNG	-100	-0.56%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
SGP	-1200	-9.84%
HTM	-900	-5.39%
VGI	-1100	-3.29%
GVR	-400	-2.78%
LPB	-100	-1.32%

*GTVH > 500 tỷ đồng, GTDG >1.5 tỷ đồng

GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
VIC	408,204	
VHM	298,107	
VCB	287,809	
VNM	212,448	
GAS	192,352	

GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
ACB	35,669	
VCS	12,701	
VCG	11,661	
PVS	9,846	
PVI	7,927	

GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
ACV	173,710	
VGI	101,797	
VEA	67,418	
GVR	57,600	
MCH	51,013	

KLGD nhiều nhất	Giá trị	TB 30 ngày
ROS	30,447,170	20,261,097
EIB	7,600,350	3,157,968
VHM	6,279,240	2,072,221
HQC	5,588,490	1,666,073
AST	4,408,049	92,914

KLGD nhiều nhất	Giá trị	TB 30 ngày
VIX	4,057,500	355,394
SHB	1,457,399	3,389,557
BII	1,440,900	477,607
PVS	1,330,216	2,599,778
HUT	827,613	849,733

KLGD nhiều nhất	Giá trị	TB 30 ngày
VEA	714,500	498,154
HTM	663,730	442,290
QNS	601,407	476,145
NTC	583,320	155,265
#N/A	#N/A	#N/A

Nguồn: Bloomberg & YSVN

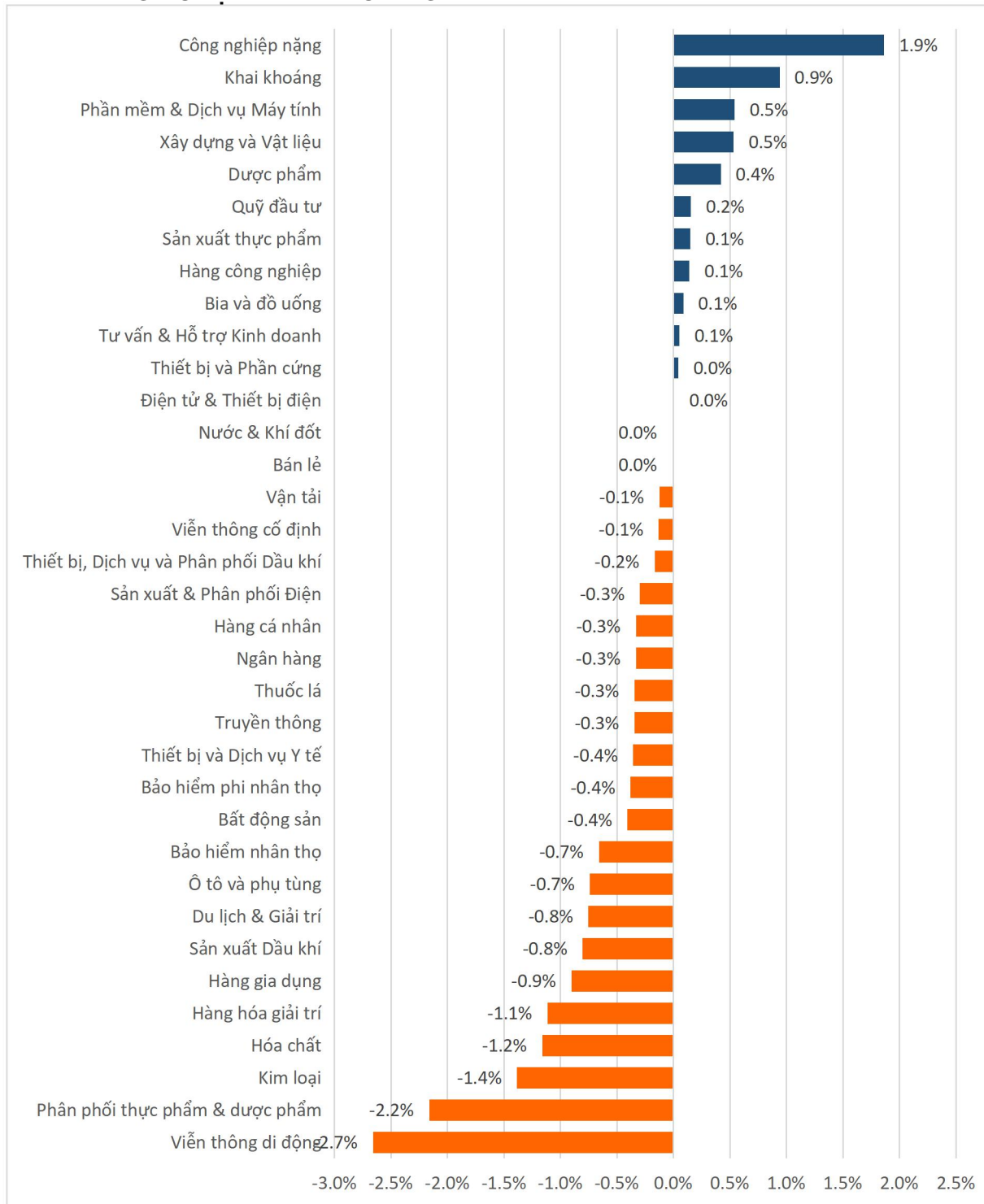
Nguồn: Bloomberg & YSVN

Nguồn: Bloomberg & YSVN



We Create **Fortune**

DIỄN BIẾN GIAO DỊCH CÁC NHÓM NGÀNH



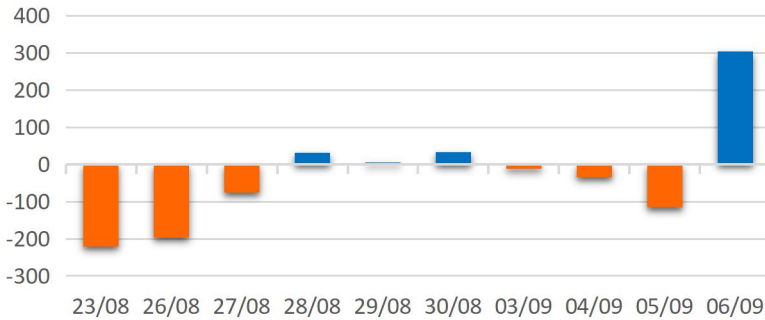
Nguồn: FiinPro – YSVN



We Create **Fortune**

THỐNG KÊ GIAO DỊCH KHỐI NGOẠI

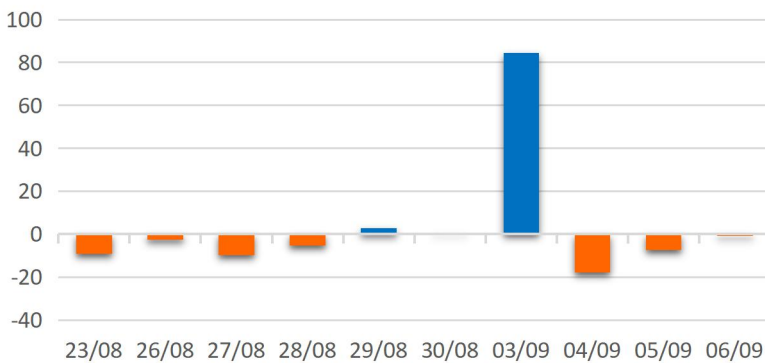
Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại HSX



Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
AST	274,200	ITC	23,148
NVL	24,860	HPG	12,051
VRE	21,117	MSN	10,378
VNM	21,003	HDB	9,491
GEX	11,740	HVN	7,867

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn HSX

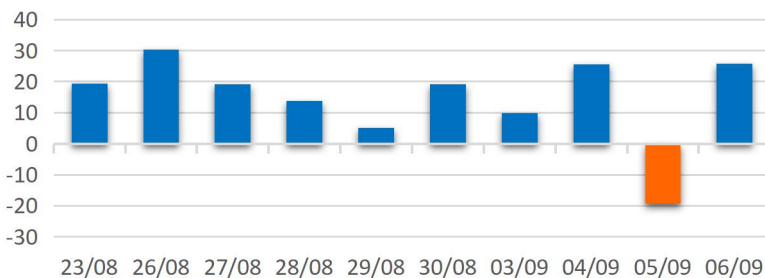
Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại HNX



Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
HUT	1,302	PVS	1,733
SHB	183	VCS	568
HAT	106	PMC	212
TA9	104	TIG	161
TVC	97	BVS	85

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn HNX

Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại
UPCOM



Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
QNS	17,782	GVR	811
VGG	3,337	BSR	740
VTP	1,683	IDC	373
ACV	1,532	VIN	235
BCM	1,496	CTR	384

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn UPCoM

Nguồn: FiinPro – YSVN



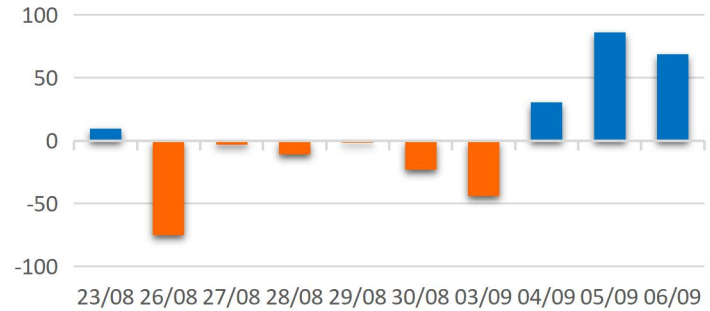
We Create **Fortune**

THỐNG KÊ GIAO DỊCH TỰ DOANH

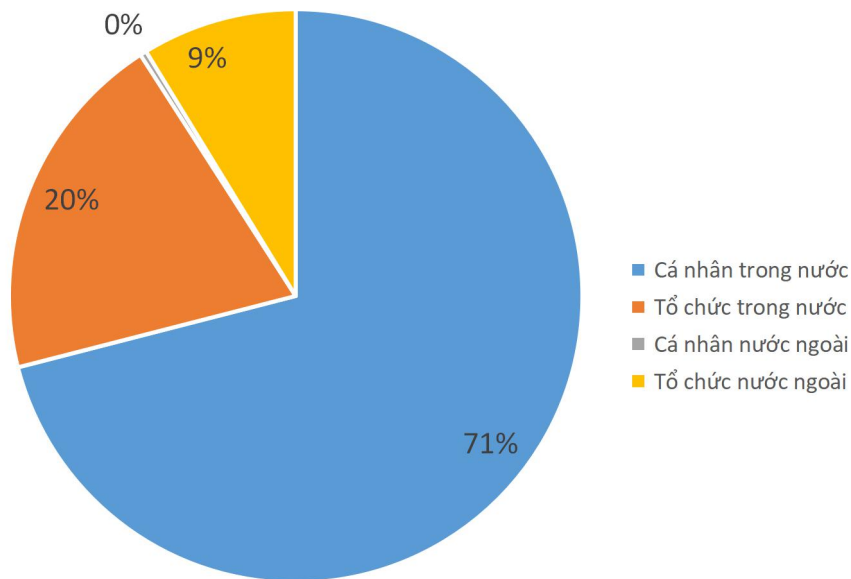
Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
VRC	26,350	FPT	12,832
HPG	15,665	MWG	4,538
MBB	8,924	E1VFN30	4,091
VIC	5,075	GEX	3,716
VNM	4,599	VNM	2,454

Top 5 các mã đạt GDTD lớn nhất

Giá trị giao dịch tự doanh mua/bán ròng (tỷ đồng)



CƠ CẤU THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM

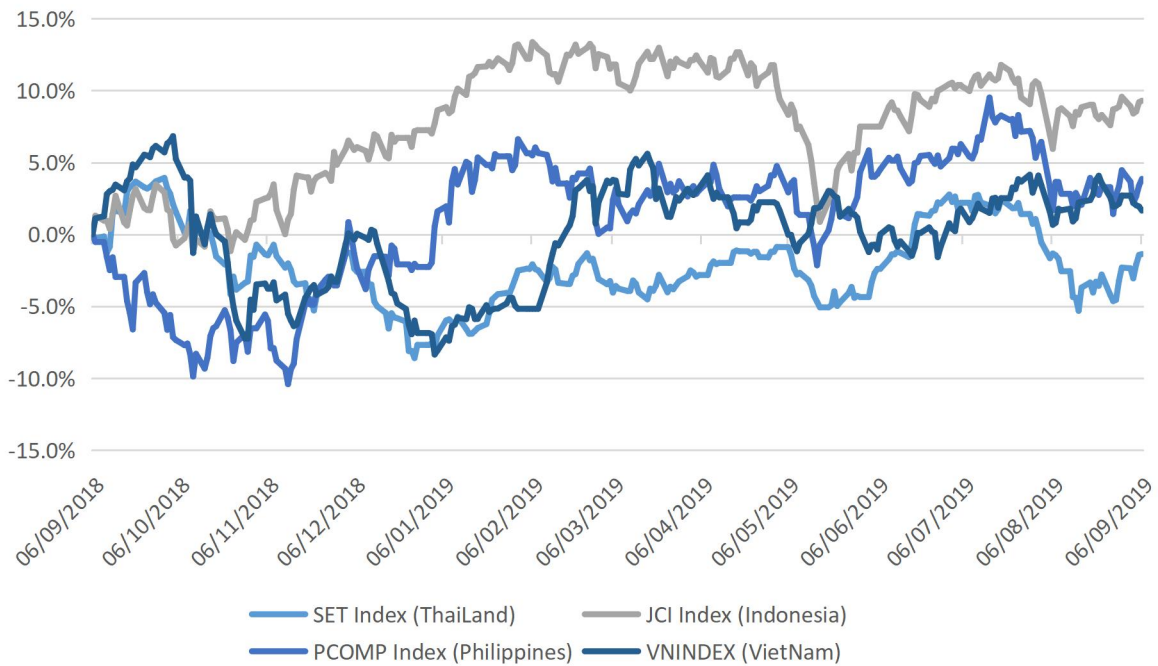


Nguồn: FiinPro – YSVN



We Create Fortune

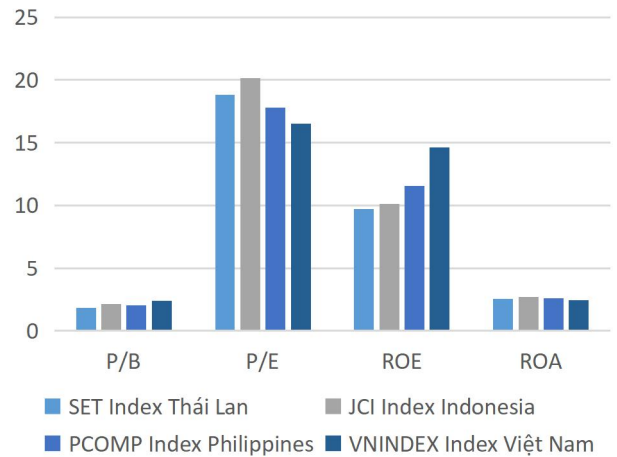
Diễn biến các thị trường trong khu vực



Dữ liệu thị trường các quốc gia trong khu vực

		Thái Lan	Indonesia	Philippines	Việt Nam
P/B		1.9x	2.2x	2.0x	2.4x
P/E		18.8x	20.2x	17.8x	16.5x
ROE	%	9.73	10.14	11.54	14.62
ROA	%	2.56	2.68	2.59	2.45
Vốn hóa	Tỷ USD	558.56	515.00	190.39	142.36
GTGD	Triệu USD	1.65	0.49	0.09	0.10
LS cổ tức	%	3.05	2.44	1.64	1.75

erg & YSVN





We Create **Fortune**

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN YUANTA VIỆT NAM

Phòng phân tích khối khách hàng cá nhân

Nguyễn Thế Minh

Giám đốc Nghiên cứu Phân tích

+84 28 3622 6868 ext 3826

minh.nguyen@yuanta.com.vn

Quách Đức Khánh

Chuyên viên phân tích cao cấp

+84 28 3622 6868 ext 3833

khanh.quach@yuanta.com.vn

Nguyễn Trịnh Ngọc Hồng

Chuyên viên phân tích

+84 28 3622 6868 ext 3832

hong.nguyen@yuanta.com.vn

Phạm Tấn Phát

Chuyên viên phân tích cao cấp

+84 28 3622 6868 ext 3880

phat.pham@yuanta.com.vn

Đặng Phi Phôn

Chuyên viên phân tích

+84 28 3622 6868 ext 3893

phon.dang@yuanta.com.vn

Phòng Môi giới khách hàng cá nhân

Nguyễn Thanh Tùng

Giám đốc Môi giới Hội Sở

+84 28 3622 6868 ext 3609

tung.nguyen@yuanta.com.vn

Nguyễn Việt Quang

Giám đốc chi nhánh Hà Nội

+84 28 3622 6868 ext 3404

quang.nguyen@yuanta.com.vn

Nguyễn Đức Hoàn

**Giám đốc trung tâm kinh doanh
Nam Hà Nội**

+84 28 3622 6868 ext 3409

hoan.nguyen@yuanta.com.vn

Chung Kim Hoa

Giám đốc Khối khách hàng người Hoa

+84 28 3622 6868 ext 3828

hoa.chung@yuanta.com.vn

Võ Thị Thu Thủy

Giám đốc chi nhánh Bình Dương

+84 28 3622 6868 ext 3505

thuy.vo@yuanta.com.vn

Võ Đình Tuấn

Giám đốc Chi Nhánh Đà Nẵng

+84 28 3622 6868 ext 3301

tuan.vo@yuanta.com.vn

Phù Vĩnh Quế

Giám đốc chi nhánh Chợ Lớn

+84 28 3622 6868

que.phu@yuanta.com.vn

Bùi Quốc Phong

Giám đốc chi nhánh Đồng Nai

+84 28 3622 6868

phong.bui@yuanta.com.vn



We Create Fortune

Appendix A: Important Disclosures

Analyst Certification

Each research analyst primarily responsible for the content of this research report, in whole or in part, certifies that with respect to each security or issuer that the analyst covered in this report: (1) all of the views expressed accurately reflect his or her personal views about those securities or issuers; and (2) no part of his or her compensation was, is, or will be, directly or indirectly, related to the specific recommendations or views expressed by that research analyst in the research report.

Ratings Definitions

BUY: We have a positive outlook on the stock based on our expected absolute or relative return over the investment period. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile. We recommend investors add to their position.

HOLD-Outperform: In our view, the stock's fundamentals are relatively more attractive than peers at the current price. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile.

HOLD-Underperform: In our view, the stock's fundamentals are relatively less attractive than peers at the current price. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile.

SELL: We have a negative outlook on the stock based on our expected absolute or relative return over the investment period. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile. We recommend investors reduce their position.

Under Review: We actively follow the company, although our estimates, rating and target price are under review.

Restricted: The rating and target price have been suspended temporarily to comply with applicable regulations and/or Yuanta policies.

Note: Yuanta research coverage with a Target Price is based on an investment period of 12 months. Greater China Discovery Series coverage does not have a formal 12 month Target Price and the recommendation is based on an investment period specified by the analyst in the report.

Global Disclaimer

© 2018 Yuanta. All rights reserved. The information in this report has been compiled from sources we believe to be reliable, but we do not hold ourselves responsible for its completeness or accuracy. It is not an offer to sell or solicitation of an offer to buy any securities. All opinions and estimates included in this report constitute our judgment as of this date and are subject to change without notice.

This report provides general information only. Neither the information nor any opinion expressed herein constitutes an offer or invitation to make an offer to buy or sell securities or other investments. This material is prepared for general circulation to clients and is not intended to provide tailored investment advice and does not take into account the individual financial situation and objectives of any specific person who may receive this report. Investors should seek financial advice regarding the appropriateness of investing in any securities, investments or investment strategies discussed or recommended in this report. The information contained in this report has been compiled from sources believed to be reliable but no representation or warranty, express or implied, is made as to its accuracy, completeness or correctness. This report is not (and should not be construed as) a solicitation to act as securities broker or dealer in any jurisdiction by any person or company that is not legally permitted to carry on such business in that jurisdiction.

Yuanta research is distributed in the United States only to Major U.S. Institutional Investors (as defined in Rule 15a-6 under the Securities Exchange Act of 1934, as amended and SEC staff interpretations thereof). All transactions by a US person in the securities mentioned in this report must be effected through a registered broker-dealer under Section 15 of the Securities Exchange Act of 1934, as amended. Yuanta research is distributed in Taiwan by Yuanta Securities Investment Consulting. Yuanta research is distributed in Hong Kong by Yuanta Securities (Hong Kong) Co. Limited, which is licensed in Hong Kong by the Securities and Futures Commission for regulated activities, including Type 4 regulated activity (advising on securities). In Hong Kong, this research report may not be redistributed, retransmitted or disclosed, in whole or in part or any form or manner, without the express written